

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2025

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hằng.

Ông Vũ Hồng Điệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Mai - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1985; CCCD: 030185013660

Nơi ĐKHHTT: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn B, xã Y, thành phố Hải Phòng);

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn N, xã G, thành phố Hải Phòng). Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980; CCCD: 030080006031

Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là thôn B, xã Y, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H được tổ chức tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 21/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ chồng 01 năm tại thôn B, xã L, huyện G. Sau đó vợ chồng chị mua ao chuyển đổi và xây nhà ra ở riêng tại thôn B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Nguyễn Văn H thường xuyên uống rượu với bạn bè về nhà đánh đập, chửi bới chị. Chị đã trao

đổi với mẹ chồng và anh trai của anh H để khuyên bảo anh Huấn nhưng anh H không thay đổi nên sau khi sinh cháu thứ ba vào năm 2012 thì vợ chồng chị sống ly thân. Đến năm 2022 chị đi lao động xuất khẩu sang Nhật Bản mục đích để lấy tiền trả nợ vì vợ chồng làm ao bị thua lỗ. Trước khi đi chị đã nói với anh Huấn là khi trả nợ xong thì vợ chồng sẽ ly hôn. Anh H bảo chị mày đi đâu thì đi, ly hôn thì ly hôn. Đến ngày 03/3/2025 chị hết hợp đồng về nước nhưng tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, anh H vẫn rượu chè thường xuyên về muộn. Nên ngày 10/5/2025 chị về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện G sống. Anh H có đến tìm chị vài lần nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh Huấn nên không về. Hai bên gia đình đều khuyên bảo hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh Huấn có 03 con chung là: Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 08/10/2007; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 23/09/2009; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 04/8/2012. Khi ly hôn, chị tôn trọng nguyện vọng của các con, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn như chị Tuyết đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B, xã Lê, huyện G, tỉnh Hải Dương hạnh phúc. Đến năm 2022 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến khoảng tháng 9/2024 chị T về Việt Nam thăm nhà và chê anh ở nhà bẩn thỉu, hôi hám. Chị T chỉ về khoảng 13 ngày sau đó lại sang Nhật Bản để làm việc, sau đó chị T liên lạc ít hơn. Đầu tháng 3/2025 chị Tuyết về Việt Nam và về nhà chung sống với anh nhưng cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, anh nhiều lần hỏi chị T nhưng chị T không trả lời, khoảng 1 tháng nay chị T đi đâu anh không biết vì chị T chặn liên hệ với anh. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là: Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 08/10/2007; Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 23/09/2009; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 04/8/2012. Sau khi ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng ở với anh thì anh nhất trí và không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh xác định không đến Tòa án làm việc đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không ký kết bất kỳ văn bản nào khi làm việc với Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ chị T) trình bày:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 21/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T chung sống với bố mẹ đẻ anh H 01 năm sau đó ra ở riêng.

Về thời gian cụ thể xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng chị T bà không biết, chỉ biết thời gian chị T sinh cháu thứ 3 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh H gọi bà sang để phân tích cho chị T vì chị T muốn bỏ đi, anh H có níu kéo vì con còn nhỏ, chị T chịu đựng vẫn ở cùng với anh Huân, sau này bà mới biết anh chị sống với nhau nhưng không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ lâu. Khi chị T quyết định đi nước ngoài để lấy tiền trả nợ, nay chị T về nước nhưng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đã về nhà bà sống từ ngày 10/5/2025 đến nay. Bà và gia đình đều khuyên chị T về sống cùng với anh H và anh H cũng có đến để khuyên chị T quay về nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không về. Nay chị T xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị T và anh H có 03 con chung là Nguyễn Văn Tr – sinh ngày 08/10/2007; Nguyễn Thị Yên Nh – sinh ngày 23/09/2009 và Nguyễn Thị Th – sinh ngày 04/8/2012. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Huân

Nếu Tòa án giải quyết cho chị T và anh H ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Thị Y và Nguyễn Thị Th cho chị Tuyết chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), gia đình bà sẽ có trách nhiệm trông nom chăm sóc cháu trong khi chị T đi làm hoặc có công việc bận. Điều kiện ăn ở của gia đình bà đầy đủ, đáp ứng được toàn bộ các nhu cầu cho sự phát triển tự nhiên, học tập của các cháu.

Tại Biên bản xác minh tại công an xã L và cơ sở thôn xác định: anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị T sau khi kết hôn sinh sống tại thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống địa phương không nắm được mâu thuẫn do vợ chồng anh H và chị T chưa xảy ra xô xát lớn hay nhờ chính quyền địa phương hoà giải. Hiện nay chị T đã về nhà mẹ đẻ tại xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương sinh sống.

Tại bản tự khai cháu Nguyễn Thị Yên Nh, Nguyễn Văn Tr trình bày có nguyện vọng được ở với bố; cháu Nguyễn Thị Th có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND khu vực 11 – Hải Phòng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

** Hướng giải quyết vụ án:*

Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều

147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 08/10/2007 và Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 23/9/2009 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng; con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày: 04/8/2012 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị T: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Tuyết chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, giải quyết con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trú tại: B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/8/2006, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định:

Quá trình chung sống, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H đã phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung, hai bên không trao đổi, chia sẻ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh H, hiện chị đang sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn N, xã T. Quá

trình làm việc với tòa án anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quá trình chung sống, chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân thời gian dài, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh H cũng không có biện pháp tích cực để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa do Tòa án triệu tập anh H đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không mong muốn được đoàn tụ cùng chị T. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tuyết xử cho chị T được ly hôn anh H.

[6] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là: Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 08/10/2007; Nguyễn Thị Yên Nh, sinh ngày 23/09/2009; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 04/8/2012 hiện nay đang ở với anh H. Chị T và anh H đều có quan điểm tôn trọng nguyện vọng của các con và không yêu cầu cấp dưỡng nếu nuôi con chung. Các cháu Nguyễn Thị Yên Nh, Nguyễn Văn Tr trình bày nguyện vọng được ở với bố; cháu Nguyễn Thị Th có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy các cháu Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Yên Nh, Nguyễn Thị Th đều đã trên 7 tuổi; cháu Trung và cháu Yên Nh trình bày nguyện vọng xin được ở bố; cháu Nguyễn Thị Th có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T và anh H đều có quan điểm tôn trọng nguyện vọng của các con không yêu cầu cấp dưỡng nếu nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và anh H, giao cháu Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Yên Nh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Tuyết được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 08/10/2007; Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 23/09/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 04/8/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị T và anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d theo biên lai số 0000722 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hải Phòng). Chị Phạm Thị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Chi cục THA dân sự khu vực 11 – Hải Phòng;
- UBND xã Yết Kiêu – Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Thiện